TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số:76/2019/HS-ST Ngày: 18-9-2019	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lương Thị Thanh Quyên
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đỗ Văn Ngôn
Ông Thân Văn Nhàn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Thư ký TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2019/HSST ngày 22/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST – HS ngày 04/9/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị Kim N**, sinh năm 1992; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn N, xã H, huyện Việt Yên, Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Bùi Văn L, sinh năm 1964; Con bà: Đặng Thị T, sinh năm 1963; Anh chị em: Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ hai; Chồng: Thân Văn C, sinh năm 1987; Con: Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2019 và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:
Chị Nguyễn Thị Thu H– Sinh năm 2000(Có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Ông Nguyễn Tiến Đ– Sinh năm 1977(Có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng:
1.Ông Nguyễn Tiến Đ- Sinh năm 1977(Có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

2.Chị Vũ Thị T– Sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

3.Chị Vũ Thị T– Sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

4.Bà Đặng Thị T – Sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị Kim N, sinh năm 1992 ở thôn N, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang có thời gian làm nhân viên của Công ty TNHH H có trụ sở tại thôn My Điền 2, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang chuyên cung cấp người lao động cho các khu công nghiệp. Khoảng tháng 7/2018, chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2000 ở thôn T, xã B, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thông qua sự giới thiệu của chị Vũ Thị T, sinh năm 2000 ở thôn 6, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (chị T là em họ của N) đã gọi điện cho N đặt vấn đề xin vào làm việc tại một Công ty tại Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nhưng không phải đi qua cửa từ. Được chị H đặt vấn đề, do cần tiền phục vụ nhu cầu cá nhân nên N đã nảy sinh ý định lợi dụng vấn đề xin việc để chiếm đoạt tiền của chị H. Để thực hiện ý định, N nói dối sẽ xin cho chị H vào làm việc tại bộ phận kho (bộ phận áo trắng) của Công ty TNHH Fuhong Precision Component (viết tắt là Công ty TNHH Fuhong) thuộc Tập đoàn KHKT Hồng Hải- Khu Công nghiệp Đình Trám. Làm việc tại bộ phận này, chị H được hưởng lương chính thức, không qua thử việc, không phải đi qua cửa từ nhưng phải đưa cho N số tiền 3.500.000 đồng làm chi phí xin việc. Sau khi được N thông tin về việc làm, chị H đồng ý nhờ N xin vào bộ phận kho của Công ty Fuhong và điện thoại về cho mẹ là bà Phạm Thị L để xin số tiền 3.500.000 đồng nộp cho N làm chi phí xin việc, bà L đồng ý. Buổi chiều ngày 09/7/2018, chị H cùng bố là ông Nguyễn Tiến Đ– sinh năm 1977 ở thôn T, xã B, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đi xe bus từ nhà đến khu vực chân cầu vượt gần Khu công nghiệp Đình Trám để gặp và đưa cho N số tiền 3.500.000 đồng. Khoảng một tuần sau, N gọi điện thoại yêu cầu chị H đưa thêm 500.000 đồng tiền scan bằng, nộp cho công ty và được chị H đưa cho N số tiền này ở cổng công ty Hồng Hải. Sau đó, N dùng một số điện thoại (N khai là sim rác, sau khi dùng đã vứt số sim này đi) giả danh là nhân viên của Công ty TNHH Fuhong gọi điện thông báo cho chị H biết, hiện công ty có hai bộ phận là làm ở kho hoặc làm công vụ, nếu làm công vụ thì sẽ đỡ vất vả hơn nhưng phải nộp thêm số tiền 2.000.000 đồng, khi nào được nhận vào làm thì công ty sẽ trả lại số tiền này. Sau khi được thông báo, chị H tin tưởng nên đã đồng ý xin vào bộ phận làm công vụ và nhất trí nộp thêm số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó, N gọi điện nói với chị H là N đang ở gần nhà chị H, nếu chị H cần thì N sẽ cầm số tiền 2.000.000 đồng để nộp vào công ty giúp. Chị H đồng ý và một mình đi ra khu vực cầu B, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đưa số tiền 2.000.000 đồng cho

N. Khoảng cuối tháng 7/2018, N có gửi thông tin của chị H cho người quen làm nhân viên tuyển dụng trong công ty Hồng Hải (N khai không nhớ rõ là ai) để nhờ xin giúp cho chị H vào làm tại Công ty TNHH Fuhong thuộc Tập đoàn Hồng Hải rồi gọi chị H xuống Công ty để phỏng vấn nhưng chị H chỉ được nhận vào làm ở bộ phận sản xuất (bộ phận áo đỏ) của Công ty TNHH Fuhong. Công ty TNHH Fuhong không thu bất cứ khoản chi phí tuyển dụng nào của người lao động. Sau khi được nhận vào làm việc nhưng không đúng nguyện vọng, chị H nhiều lần yêu cầu N xin chuyển cho chị H sang bộ phận công vụ nhưng không có khả năng nên N nói dối để chị H chờ thêm. Do bị chị H thúc giục nhiều lần, N nói dối chị H là phải chuyển tài khoản từ Ngân hàng Viettinbank sang Ngân hàng Vietcombank thì mới chuyển được bộ phận vì mỗi một bộ phận lại trả lương qua hệ thống Ngân hàng khác nhau, chị H đồng ý. Ngày 12/11/2018, chị H đem thẻ, mã số tài khoản đến đưa cho N tại nhà bà Đặng Thị T ở thôn 4, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nhà mẹ đẻ N). Lấy được thẻ, khoảng 16 giờ cùng ngày, N đến cây ATM của Ngân hàng Đông Á đặt tại thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang rút số tiền 8.700.000 đồng rồi trả lại thẻ và nói dối chị H chờ cấp thẻ mới. Sau khi chiếm đoạt tiền tổng số tiền 14.700.000 đồng của chị H, N không liên lạc, nộp tiền cho cá nhân tổ chức nào để xin việc mà sử dụng số tiền này vào việc chi tiêu cá nhân hết.

Do không xin được việc làm theo nguyện vọng, chị H nhiều lần đòi tiền nhưng N không trả nên ngày 07/01/2019, chị H đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Việt Yên.

Tại bản cáo trạng số 73/CT - VKS ngày 12/8/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố bị cáo Bùi Thị Kim N ra trước Tòa án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS 2015.

Tại phiên toà: Bị cáo Bùi Thị Kim N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.Về phần trách nhiệm dân sự, trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận đã nhận 15.000.000 đồng do bị cáo N bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tiến Đ xác định số tiền ông đưa cho H để H đưa cho N là tiền của gia đình ông nhưng ông không có ý kiến gì, cũng không yêu cầu H trả lại cho ông mà để H toàn quyền quyết định.

Những người làm chứng vắng mặt, HĐXX công bố lời khai của những người làm chứng. Bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Thị Kim N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

-Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim N từ 9 đến 12 tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Do bị cáo không có tài sản riêng, đang nuôi con nhỏ nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng nên về trách nhiệm dân sự không xem xét trong vụ án này.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan, qua công bố lời khai của người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Bùi Thị Kim N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng tháng 7 đến tháng 11 năm 2018, Bùi Thị Kim N, sinh năm 1992 ở thôn N, xã H, huyện Việt Yên, Bắc Giang đã 2 lần dùng thủ đoạn gian dối khi nhận xin việc cho chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2000 ở thôn T, xã B, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang để chiếm đoạt của chị H tổng số tiền 14.700.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm ngàn đồng).

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo Bùi Thị Kim N đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo với giá trị tài sản là 14.700.000 đồng. Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS 2015 là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, nhất là trong tình hình hiện nay, hiện tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức

xin việc làm đang ngày càng phổ biến và tinh vi. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 2 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1,2 Điều 51 BLHS cần áp dụng cho bị cáo.

[8] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, điều luật đã viện dẫn. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo biết rõ mình không có khả năng xin việc nhưng đã lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của người bị hại nhằm lừa đảo lấy tiền tiêu sài cá nhân. Mặc dù số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại không lớn tuy nhiên bị cáo đã chiếm đoạt nhiều lần. Điều đó có thể thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

Bị cáo không có tài sản riêng, đang nuôi con nhỏ nên không cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng nên về trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[10] Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy J5, trong có 01 chiếc sim số 01692.945.374 (0392.945.374) và 01 số sim rác N dùng để liên lạc với chị H nhưng sau đó N đã làm rơi mất chiếc điện thoại này nên Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc thẻ Ngân hàng Viettinbank của chị H, sau khi bị N rút hết tiền trong tài khoản, chị H đã bỏ chiếc thẻ đi nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chị Vũ Thị T là người giới thiệu chị H đến gặp N xin việc nhưng chị T không biết việc N có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của chị H nên không có căn cứ để xử lý đối với chị T.

[11] Người làm chứng vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra.Việc vắng mặt người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Ngoài ra cần áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều

136; các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự để buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị Kim N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị Kim N 8** tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, buộc bị cáo N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại, người liên quan có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1 b);
-VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Việt Yên(2b);
- T.H.A.(4 b);
- Lưu HS.VP (1 b);
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên